

Bản án số: 113/2021/HS-ST
Ngày 26 - 8 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Nguyên; Ông Dương Viết Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Đàm Hoàng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2021/TLST-HS, ngày 16 tháng 7 năm 2021; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2021; theo quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2021/HSST - QĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên NGUYỄN VĂN G, sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Kim H, sinh năm 1969 và bà Dương Thị L, sinh năm 1971; Vợ: Phan Thị V, sinh năm 1992 và có 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018); Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ 01. Tiền án; tiền sự: không.

Nhân thân: Năm 2012, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/3/2021 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Họ và tên NÔNG VĂN T1, sinh năm 1994; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nông Văn T, sinh năm 1971 và bà Lăng Thị N, sinh năm 1973; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1997 và có 01 con sinh năm 2019; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ 02. Tiền án; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/3/2021 cho đến ngày 20/5/2021, được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

3. Họ và tên ĐẶNG VĂN T2, sinh năm 1992; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Văn T và bà Đinh Thị V (đều đã chết); Vợ: Trương Thị S, sinh năm 1993 và có 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019); Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ 01. Tiền án; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/3/2021 cho đến ngày 20/5/2021, được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

- *Bị hại*: Anh Hoàng Quốc L, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

- *Nguyên đơn dân sự*: Trạm Y tế xã T-Người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Bá S, chức vụ: Trạm trưởng –Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị X, chức vụ: Phó Trạm trưởng.

(Vắng mặt có lý do)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Lăng Thị N, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Anh Dương Văn Q, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Xóm M, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Vắng mặt)

2. Anh Hoàng Anh Đ, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Vắng mặt)

4. Anh Bùi Quang Q, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

5. Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

6. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

7. Anh Nông Văn H, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

8. Anh Dương Quang H, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

9. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 29/11/2020, Nguyễn Văn G, sinh năm 1990 cùng Nguyễn Văn H, sinh năm 1989; Nông Văn H, sinh năm 1990 và Dương Quang H, sinh năm 1989, cùng trú tại xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cùng sang nhà anh Lưu Văn H sinh năm 1990, trú tại xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để ăn cỗ vào nhà mới. Trong quá trình ăn uống thì G có gặp Hoàng Quốc L, sinh năm 1985, trú tại xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vào thời điểm tháng 3 năm 2019 G có vay tiền của L 5000.000 đồng nhưng chưa trả nên cả hai cùng rủ nhau ra Hồ Kim Đình thuộc xã T để nói chuyện. G sử dụng xe ô tô nhãn hiệu Vios, BKS: 20A – 38038 của G trở theo L, H, H, H cùng đi. Khi đang đi thì G thấy có người đi theo sau xe nên G không đi nữa mà điều khiển xe quay ngược lại đến gần trước cửa quán nhà anh H để nói chuyện, G dừng xe và cùng mọi người xuống xe. L và G đứng đối diện nhau, hai người thách thức nhau thì L đã dùng tay phải đánh chúng vào mắt phải của G, G cũng lao vào dùng hai tay đánh vào người của L. Lúc này có Nguyễn Quốc K, sinh năm 1993, trú tại xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên là cháu của L nhà cạnh đó và Dương Văn Q, sinh năm 1983, trú tại xóm M, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên là bạn của L đi đến. Thấy đánh nhau nên H vào can ngăn thì bị L đánh vào mặt, H nhặt được 01 chiếc chổi có cán bằng gỗ dài khoảng 50cm ở rìa đường định đánh lại L thì bị L giằng được, L cầm chổi bằng hai tay dùng phần cán gỗ đánh vào người H thì H dơ tay trái đỡ được. Dương Văn Q thấy vậy lao vào dùng tay phải đánh chúng vào mồm H. Sau đó được mọi người can ngăn thì hai bên không đánh nhau nữa, H được G, H, H đưa vào Trạm y tế xã T để sơ cứu vết thương. Tại đây, H đã gọi cho em họ là Nông Văn T1, sinh năm 1994, trú tại xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, còn G thì gọi điện thoại cho Đặng Văn T2, sinh năm 1992, trú tại xóm H, xã T, huyện P, tỉnh

Thái Nguyên đến Trạm y tế. Khoảng 15-20 phút sau thì T1 và T2 về đến Trạm y tế, T đứng cửa phòng hỏi thăm H bị thương tích như thế nào và bị ai đánh thì G ở ngoài sân rủ mọi người đi đánh L và T2 đồng ý và đi vào trong khu vực bếp của Trạm y tế xã T lấy 03 con dao bằng kim loại, T2 đưa cho T1 01 con dao phay có tổng chiều dài 44 cm, phần lưỡi bằng kim loại có một lưỡi sắc, phần rộng nhất là 06cm, chuôi dao bằng gỗ và đưa cho G 01 con dao phay có tổng chiều dài khoảng hơn 40cm phần lưỡi dao bằng kim loại, có một lưỡi sắc, phần rộng nhất khoảng 06cm, chuôi dao bằng kim loại, còn T2 cầm 01 con dao bằng kim loại dài 31cm, phần lưỡi dao dài 20 cm, có một lưỡi sắc, phần rộng nhất là 05cm chuôi dao bằng nhựa. Sau đó, T2 cài dao ở xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ đen không rõ biển kiểm soát (chiếc xe trên do T2 mượn của một người bạn tên là T không rõ địa chỉ T ở đâu). T2 đèo G và H đi trước còn H đèo T1 cùng đi đến trước cửa nhà L, khi đến nơi thì L đang ăn uống ở nhà Nguyễn Quốc K đối diện nhà L. Thấy nhóm của G đến thì L đi bộ một mình về nhà, khi đang đi thì nhìn thấy trên xe T2 có cài dao nên L vào trong nhà lấy ở giá để dây 01 chiếc côn hai khúc bằng gỗ màu nâu, mỗi phần gỗ dài 24cm đường kính 2,5cm được nối với nhau bằng 01 đoạn dây dù dài 12cm rồi gài vào phía sau lưng đi ra ngoài cửa về phía T2, gần đến nơi thì L rút côn ra vọt T2 nhưng T2 tránh được nên không trúng, lúc này T1 cầm dao phay bằng tay phải lao vào để chém L thì bị L dùng côn vọt 01 nhát trúng vào đầu T1, đồng thời T1 cũng chém 01 nhát trúng vào móm khuỷu tay trái của L. L bị chém đã kêu lên, lúc này ở trong nhà K có Dương Văn Q; Hoàng Anh Đ, sinh năm 1978, trú tại xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên là anh trai L. Bùi Quang Q, sinh năm 1990, trú tại xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cùng K chạy ra ngoài về phía L, khi chạy ra Q cầm theo 01 khúc gỗ dài khoảng 50cm, K cầm theo một dao câu liêm bằng kim loại, Q cầm theo 01 thanh kim loại dài khoảng 40-50cm. Khi thấy nhiều người chạy ra thì T, G, T chạy về hướng cây xăng gần đó rồi nhặt gạch đá ở rìa đường ném về phía nhóm của L, L được Q cùng mọi người đưa vào trong nhà đóng cổng lại nên G, T1, T2 không ném nữa. Lúc này, có Đặng Văn L, sinh năm 1991, trú tại xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên điều khiển xe ô tô tải BKS: 20C – 186.76 đi chợ về qua đó thì dừng lại, G đã để nhờ con dao phay cầm đi lúc trước lên cabin xe của L rồi đi về còn T2 đèo T1 về Trạm y tế xã lấy xe của T1 rồi cùng nhau về, trên đường về T2 đã cầm 02 con dao còn lại gửi ở cổng nhà anh Nguyễn Văn N, sinh năm

1993, trú tại xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên nhờ N cất hộ. Anh Hoàng Quốc L, sau khi nhóm của G về thì anh L được anh Q cùng gia đình đưa đi Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 để điều trị. Sau khi sự việc xảy ra Công an xã T đã lập hồ sơ chuyển đến Công an huyện P để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 29/01/2021, anh Hoàng Quốc L đã làm đơn trình báo đến Công an huyện P đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hậu quả đối với Nguyễn Văn G bị 01 vết thương rách da, rỉ máu kích thước 0,7 x 0,1 cm ở trên lông mày phải. Vùng mi trên của mắt phải có vùng thâm tím, sưng nề kích thước 3,5 x 1,0 cm.

Đối với Nông Văn H: ở phần môi dưới sưng nề một vùng kích thước dài 1,5cm. Phần môi trên phía trong bị bầm tụ máu. Phần lợi phía trên răng cửa bên phải hàm trên bị sưng nề. Gò má trái có vùng nề đỏ kích thước 1,5 x 1 cm. Phía dưới cằm có vết rách da rớm máu dài kích thước 1,5cm.

Đối với Hoàng Quốc L: Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 xác định Hoàng Quốc L bị gãy hờ mỏm khuỷu tay trái do vật sắc gây ra.

Ngày 28/12/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã ra quyết định trưng cầu giám định pháp y số 10 và 11 Trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên giám định tỷ lệ phần trăm tổn hại sức khỏe do thương tích gây nên đối với Hoàng Quốc L và Nông Văn T1.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 744/TgT, ngày 04/01/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên. Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của anh Hoàng Quốc L là: 12 % (mười hai phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương do vật có cạnh sắc.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 60/TgT, ngày 27/01/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên. Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Nông Văn T1 là 1% (một phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương do tác động của vật tày.

Ngày 26/5/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã ra quyết định trưng cầu giám định pháp y số 141 Trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên giám định tỷ lệ phần trăm tổn hại sức khỏe do thương tích gây nên đối với Nông Văn H.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 393/TgT, ngày 01/6/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên. Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Nông Văn H là 0% (Không phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương do tác động của vật tày.

Ngày 09/6/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã ra quyết định trưng cầu giám định pháp y số 145 Trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên giám định tỷ lệ phần trăm tổn hại sức khỏe do thương tích gây nên đối với Nguyễn Văn G.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 428/TgT Ngày 11/6/2021 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Thái Nguyên. Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Nguyễn Văn G là 0% (Không phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương do tác động của vật tày.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn G, Nông Văn T1 và Đặng Văn T2 đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, anh L trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, anh đã được bị cáo T bồi thường thiệt hại 50.000.000 đồng, bị cáo T bồi thường thiệt hại 50.000.000 đồng và bị cáo G bồi thường thiệt hại 10.000.000 đồng, tổng cộng là 110.000.000 đồng. Nay, anh không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, còn các bị cáo có bồi thường nữa hay không là tùy các bị cáo. Nguyên đơn dân sự Trạm y tế xã T đã nhận được tiền bồi thường 03 con dao nay không đề nghị gì.

Tại phiên tòa, bà Lăng Thị N trình bày số tiền bồi thường của bị cáo T cho bị hại anh L là do bà trực tiếp giao nhận vì lúc đó bị cáo đang bị tạm giam. Nay bà không có ý kiến gì về số tiền này.

Tại bản cáo trạng số 107/CT-VKSPB ngày 14/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố Nguyễn Văn G, Nông Văn T1 và Đặng Văn T2 về tội: “Cố ý gây thương tích”, theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện P sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Văn G, Nông Văn T1 và Đặng Văn T2 phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn G từ 42 đến 48 tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nông Văn T1 và Đặng Văn T2 mỗi bị cáo từ 36 đến 42 tháng tù.

Về phân trách nhiệm dân sự: Bị hại anh L đã được bị cáo T1 bồi thường 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng), bị cáo T2 bồi thường 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng) và bị cáo G bồi thường 10.000.000 đ (Mười triệu đồng) và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì.

Về xử lý vật chứng: Áp Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 08 mảnh gạch vỡ kích thước to, nhỏ khác nhau. 01 viên gạch bị vỡ một phần và 01 viên đá ; 01 bì thư niêm phong ký hiệu M1 bên trong là dấu vết vật chất màu nâu đỏ; 01 bì thư niêm phong ký hiệu M2 bên trong là vật chất màu nâu đỏ; 01 con dao bằng kim loại có 01 lưỡi sắc, phần lưỡi dao dài 32cm, chuôi dao bằng gỗ dài 12cm , bản dao vị trí rộng nhất là 6cm được niêm phong trong thùng cattong ký hiệu B; 01 (một) con dao bằng kim loại có 01 lưỡi sắc, phần lưỡi dao dài 20cm, bản dao rộng 5cm, chuôi dao bằng nhựa màu đen dài 11cm, trên chuôi dao có tin chữ ĐA – SỸ được niêm phong vào bì giấy ký hiệu B1; 01 chiếc côn 02 khúc bằng gỗ màu nâu mỗi khúc dài 24cm, đường kính 2,5cm được kết nối với nhau bằng một đoạn dây dù dài 12 cm được niêm phong vào bì giấy ký hiệu L1.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Bị cáo G đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt mức án thấp nhất để cải tạo sớm trở về với gia đình, còn các bị cáo T và T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của các bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai bị hại, lời khai người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định:

Vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 29/11/2020, bị cáo Nguyễn Văn G và anh Hoàng Quốc L do có mâu thuẫn về việc vay mượn tiền từ trước nên dẫn đến việc cãi vã, xô xát đánh nhau giữa anh L, anh Q với bị cáo G và anh H. Sau khi, bị cáo G và anh H bị anh L và anh Q đánh phải đưa về Trạm Y tế xã T sơ cứu vết thương trên vùng mặt anh H (G không phải sơ cứu), anh H đã gọi điện thoại cho bị cáo T1 (là anh em họ), còn G đã gọi điện thoại cho T2. Tại đây, G đã rủ T1 và T2 đi đánh anh L thì T1 và T2 đồng ý. Sau đó, T2 đã vào Trạm y tế lấy 03 con dao và đưa cho mỗi người một con, sau khi các bị cáo gặp anh L, anh L nhìn thấy các bị cáo đến và về nhà lấy côn hai khúc, anh L đã dùng côn vọt bị cáo T2 trượt và T2 bỏ chạy, T1 đã lao vào đánh anh L thì bị anh L dùng côn hai khúc vọt trúng đầu đồng thời T1 dùng con dao bằng kim loại có 01 lưỡi sắc, phần lưỡi dao dài 32cm, chuôi dao bằng gỗ dài 12cm chém vào khuỷu tay trái gây thương tích cho anh Hoàng Quốc L.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 744/TgT, ngày 04/01/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên. Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của anh Hoàng Quốc L là: 12 % (mười hai phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương do vật có cạnh sắc.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 60/TgT, ngày 27/01/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên. Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Nông Văn T1 là 1% (một phần trăm). Cơ chế hình thành vết

thương do tác động của vật tày. Trong quá trình điều tra bị cáo Nông Văn T1 có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho anh Hoàng Quốc L nên Cơ quan CSĐT không khởi tố đối với anh L.

Hành vi của các bị cáo: Nguyễn Văn G, Nông Văn T1 và Đặng Văn T2 có đủ yếu tố cấu thành tội: "Cố ý gây thương tích", theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố các bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay đối với các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

Điều 134 của Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

.....

đ) Gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này".

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp tới quyền về sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Hành vi đó cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo G năm 2012, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội: "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ". Còn các bị cáo T1 và T2 là người có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ cho

các bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét tính chất mức độ tội phạm, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, vị trí vai trò của các bị cáo trong vụ án. Bị cáo G là người khởi xướng việc thực hiện tội phạm, bị cáo T1 và bị cáo T2 với vai trò là người giúp sức và trực tiếp thực hiện tội phạm, bị hại anh L cũng có một phần lỗi. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Xét thấy, nhân thân và vai trò của bị cáo G cần phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt; Còn các bị cáo T1 và T2 là người có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có nghề nghiệp ổn định nên không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật hình sự, vẫn có thể cải tạo, giáo dục trở thành công dân tốt.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với 08 mảnh gạch vỡ kích thước to, nhỏ khác nhau, 01(một) viên gạch bị vỡ một phần và 01 viên đá ; 01 bì thư niêm phong còn nguyên vẹn có dấu đỏ ký hiệu M1 ngoài bì có ghi dấu vết vật chất tại vị trí số 4; 01 bì thư niêm phong còn nguyên vẹn có dấu đỏ ký hiệu M2 M1 ngoài bì có ghi dấu vết vật chất tại vị trí số 5 không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01(một) chiếc côn 02 khúc bằng gỗ màu nâu mỗi khúc dài 24cm, đường kính 2,5cm được kết nối với nhau bằng một đoạn dây dù dài 12 cm, được niêm phong vào bì thư còn nguyên vẹn có dấu đỏ ký hiệu L1 thu giữ của bị hại anh Luân là công cụ dùng để đánh nhau nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01(một) con dao bằng kim loại có 01 lưỡi sắc, phần lưỡi dao dài 32cm, chuôi dao bằng gỗ dài 12cm , bản dao vị trí rộng nhất là 6cm, được niêm phong trong thùng cattong dán kín có dấu đỏ ký hiệu B; 01 (một) con dao bằng kim loại có 01 lưỡi sắc, phần lưỡi dao dài 20cm, bản dao rộng 5cm, chuôi dao bằng nhựa màu đen dài 11cm, trên chuôi dao có tin chữ ĐA-SỸ được niêm phong trong bì thư còn nguyên vẹn

có dấu đỏ ký hiệu B. Nay nguyên đơn đã nhận được tiền bồi thường của các bị cáo và không yêu cầu trả lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại anh L trình bày đã được các bị cáo bồi thường 110.000.000đồng. Nay, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên không xem xét.

[8] Trong vụ án này, còn có anh Dương Văn Q đã dùng tay đâm vào mặt Nông Văn H, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Nông Văn H là 0% (Không phần trăm), hành vi của anh Q không cấu thành tội phạm nên Công an huyện P xử phạt hành chính về hành vi “xâm hại đến sức khỏe của người khác”. Đối với anh Hoàng Quốc L thừa nhận hành vi dùng tay đâm vào mặt của bị cáo Nguyễn Văn G và anh Nông Văn H tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của bị cáo G và anh H là 0% (Không phần trăm) và không thừa nhận việc dùng côn đánh gây thương tích cho bị cáo T1. Ngày 19/4/2021, bị cáo T1 có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho anh L nên Công an huyện P để xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “xâm hại đến sức khỏe của người khác”.

[9] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với các bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận. Tuy nhiên về mức hình phạt, biện pháp cải tạo theo đề nghị đối với các bị cáo là quá nghiêm khắc. Vì khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và thái độ của các bị cáo sau khi gây thương tích cho bị hại đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tỏ ra hối hận về hành vi sai trái của mình, đã quan tâm và bồi thường cho bị hại anh L 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng), bị hại đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, các bị cáo T1 và T2 là người có vai trò thứ yếu trong vụ án, có nghề nghiệp ổn định và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét quyết định cho các bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị và không cần áp dụng biện pháp cải tạo cách ly ra khỏi xã hội đối với bị cáo T1 và T2 là phù hợp với pháp luật, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo đồng thời vẫn cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt.

[10] Ra quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn G với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[11] Ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Nông Văn T1 và Đặng Văn T2, buộc các bị cáo không được phép đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2021 cho đến khi bị cáo đi chấp hành án. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để quản lý, theo dõi theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điểm d khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 47 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn G;

- Điểm d khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 và Điều 47 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nông Văn T1 và Đặng Văn T2;

- Điều 106, 109, 123, khoản 2 Điều 136, Điều 326, Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn G, Nông Văn T1 và Đặng Văn T2 phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt chính:

- Xử phạt Nguyễn Văn G **02** (hai) năm **03** (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày 23 tháng 3 năm 2021.

- Xử phạt Nông Văn T1 **02** (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **04**(bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt Đặng Văn T2 **02** (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **04**(bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo: Nông Văn T1 và Đặng Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (các bị cáo Nông Văn T1 và Đặng Văn T2) cố ý vi phạm nghĩa vụ **02** lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Ra quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn G với thời hạn **45** (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo: Nông Văn T1 và Đặng Văn T2, buộc các bị cáo không được phép đi khỏi nơi cư trú, kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2021 cho đến khi các bị cáo phải chấp hành bản án. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để quản lý, theo dõi.

5. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 08 mảnh gạch vỡ kích thước to, nhỏ khác nhau, 01(một) viên gạch bị vỡ một phần và 01 viên đá ; 01 bì thư niêm phong còn nguyên vẹn có dấu đỏ ký hiệu M1 ngoài bì có ghi dấu vết vật chất tại vị trí số 4; 01 bì thư niêm phong còn nguyên vẹn có dấu đỏ ký hiệu M2 M1 ngoài bì có ghi dấu vết vật chất tại vị trí số 5; 01(một) chiếc côn 02 khúc bằng gỗ màu nâu mỗi khúc dài 24cm, đường kính 2,5cm được kết nối với nhau bằng một đoạn dây dù dài 12 cm, được niêm phong vào bì thư còn nguyên vẹn có dấu đỏ ký hiệu L1 thu giữ của bị hại anh L là công cụ dùng đánh nhau; 01(một) con dao bằng kim loại có 01 lưỡi sắc, phần lưỡi dao dài 32cm, chuôi dao bằng gỗ dài 12cm , bản dao vị trí rộng nhất là 6cm, được niêm phong trong thùng cattong dán kín có dấu đỏ ký hiệu B; 01 (một) con dao bằng kim loại có 01 lưỡi sắc, phần lưỡi dao dài 20cm, bản dao rộng 5cm, chuôi dao bằng nhựa màu đen dài 11cm, trên chuôi dao có tin chữ ĐA-SỸ được niêm phong trong bì thư còn nguyên vẹn có dấu đỏ ký hiệu B1.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/7/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

6. Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

7. Thông báo quyền kháng cáo: Có mặt các bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CCTHA-DS huyện P;
- Bị cáo, BH, NLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sái Đức Trung